

Membri della famiglia in vietnamita

Membri della famiglia più stretti in vietnamita

moglie	vợ
marito	chồng
madre	má
padre	cha
figlia	con gái
figlio	con trai
nonno paterno	ông nội
nonno materno	ông ngoại
fratello maggiore	anh trai
fratello minore	em trai
sorella maggiore	chị gái
sorella minore	em gái



www.flashcardo.com/it/flashcard-di-vietnamita/

Membri della famiglia allargata in vietnamita

zia	cô
zio	chú
cugino	anh họ
cugina	chị họ
nipote (di zii, femmina)	cháu gái
nipote (di zii, maschile)	cháu trai
nipote (di nonni, maschile)	cháu trai



www.pinhok.com/it/impara-il-vietnamita/

Altri vocaboli relativi alla famiglia in vietnamita

nuora	con dâu
genero	con rể
cognato	anh rể / em rể
cognata	chị dâu / em dâu
suocero	bố chồng / bố vợ
suocera	mẹ chồng / mẹ vợ
genitori	cha mẹ
suoceri	bố mẹ chồng / bố mẹ vợ
fratelli	anh chị em ruột
patrigno	cha dượng
matrigna	mẹ kế
figliastra	con gái riêng
figliastro	con trai riêng